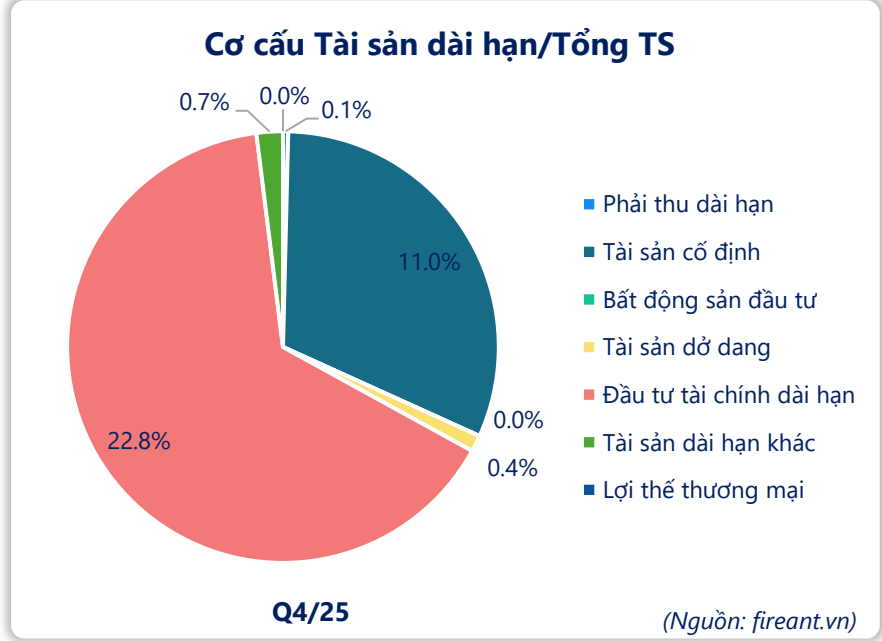
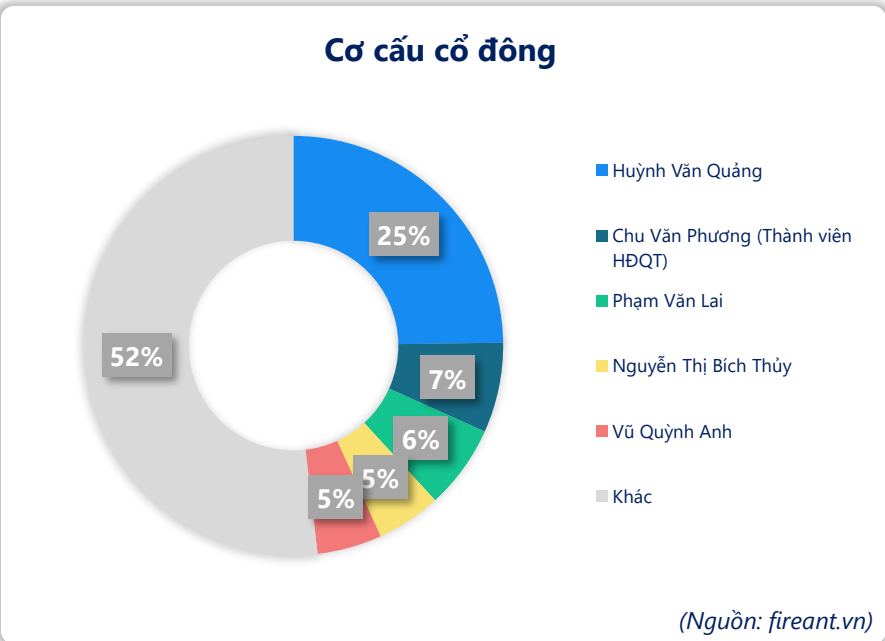
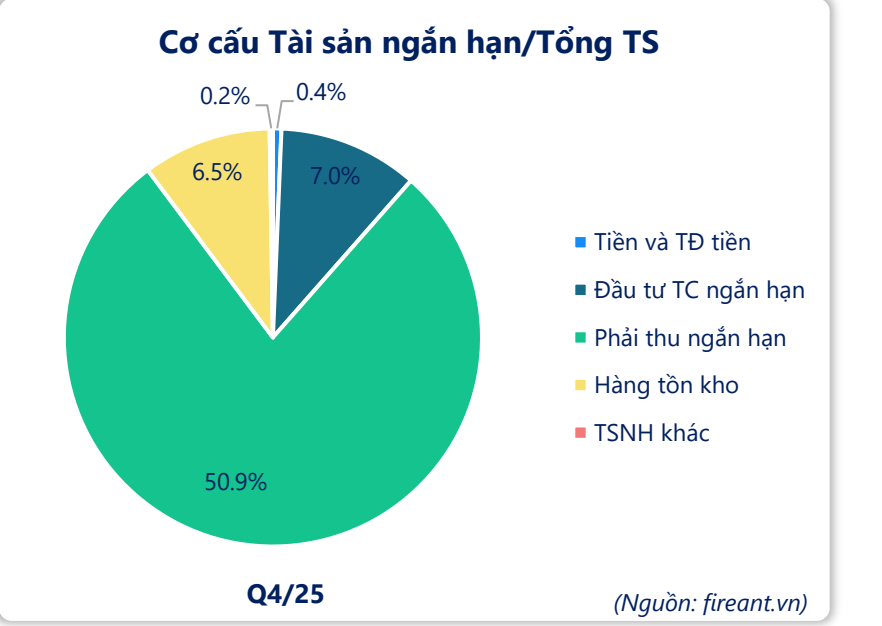
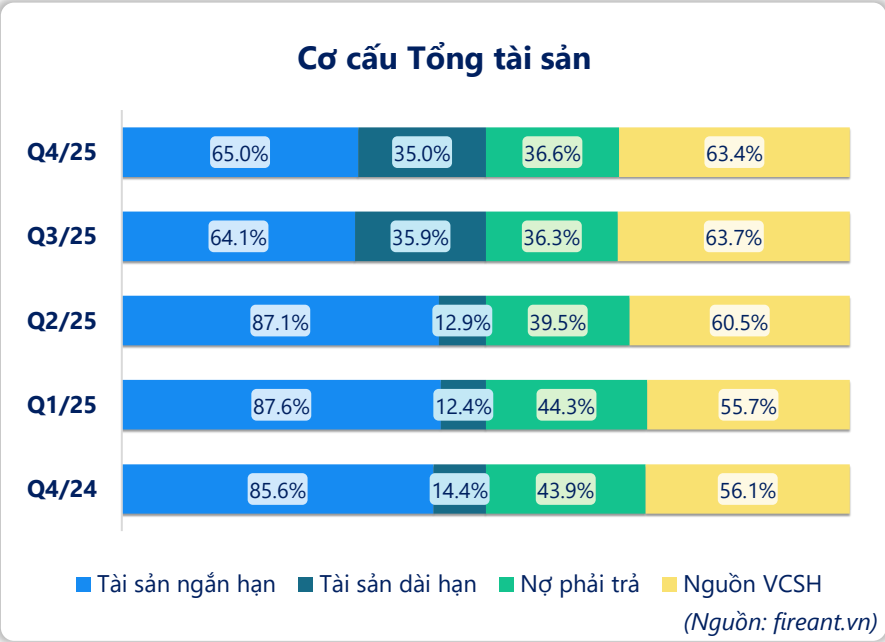
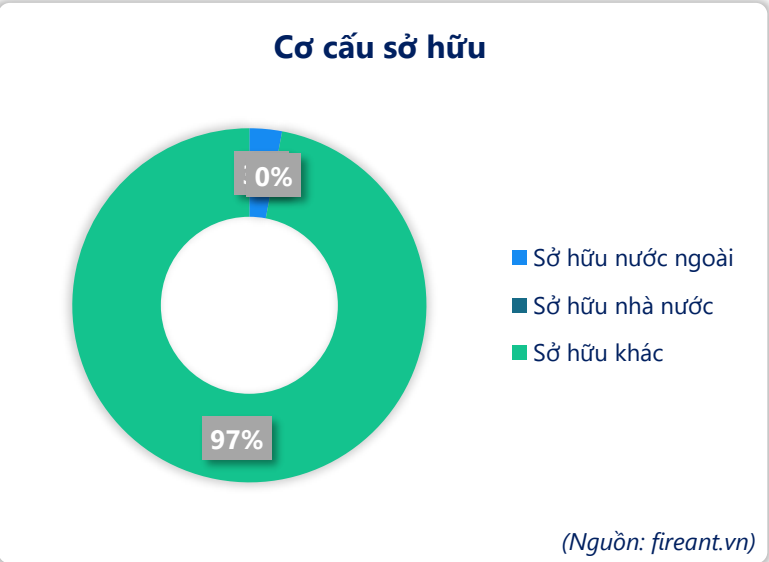
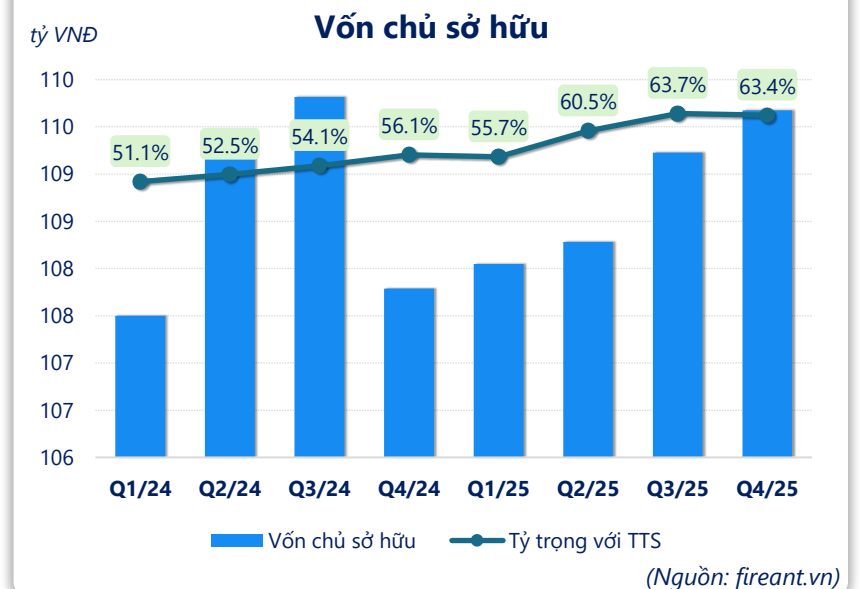
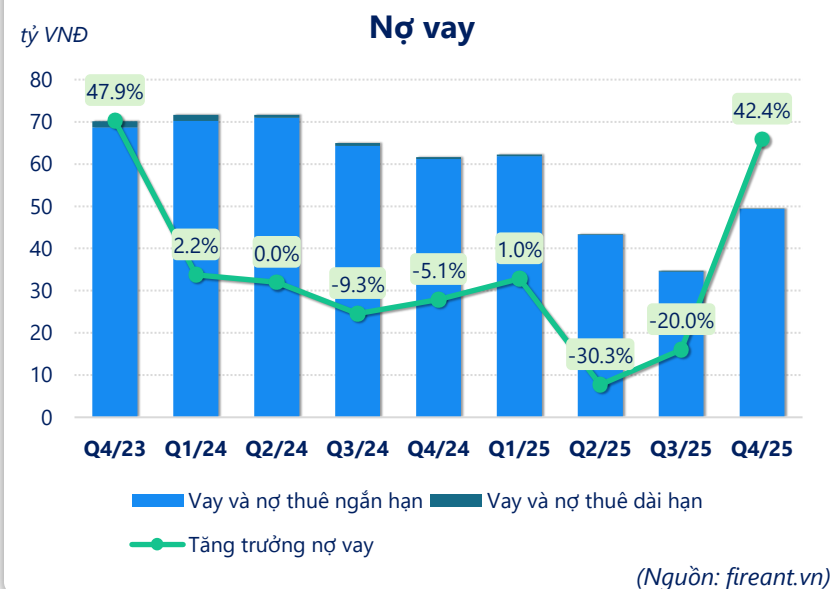
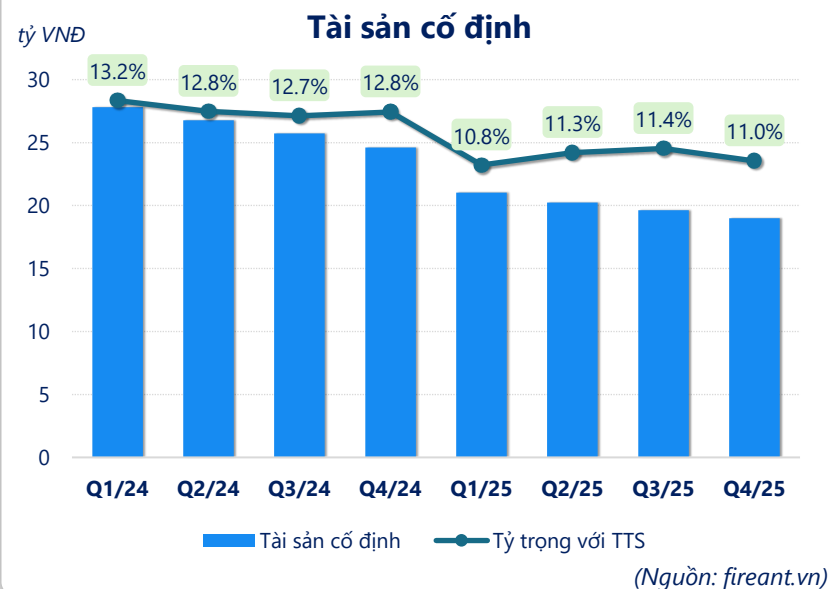
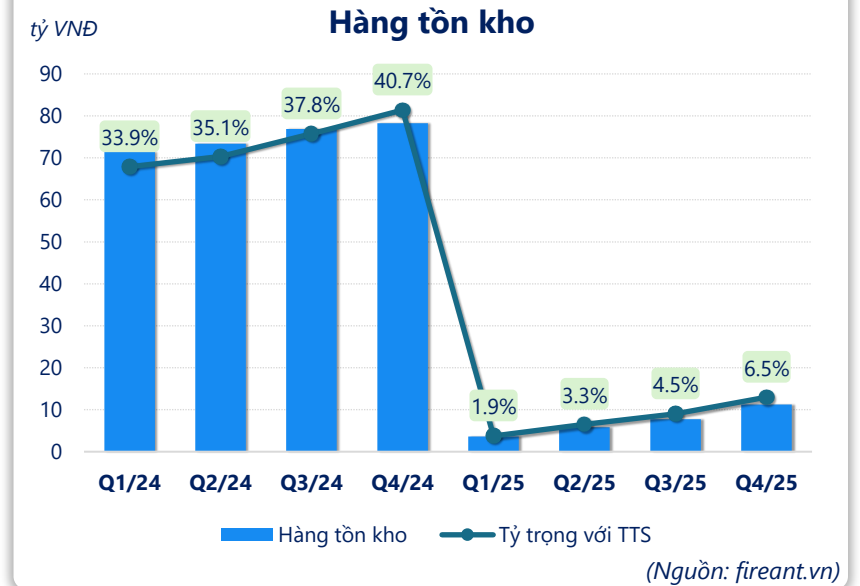
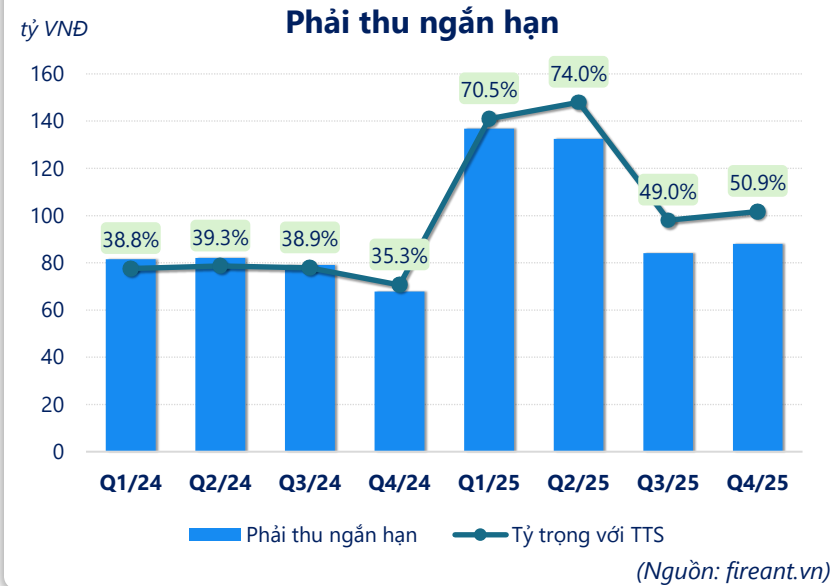
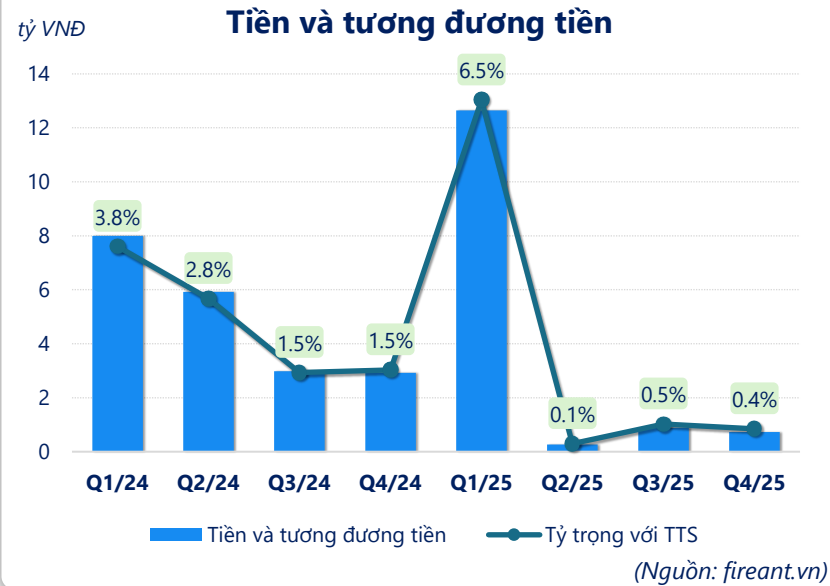
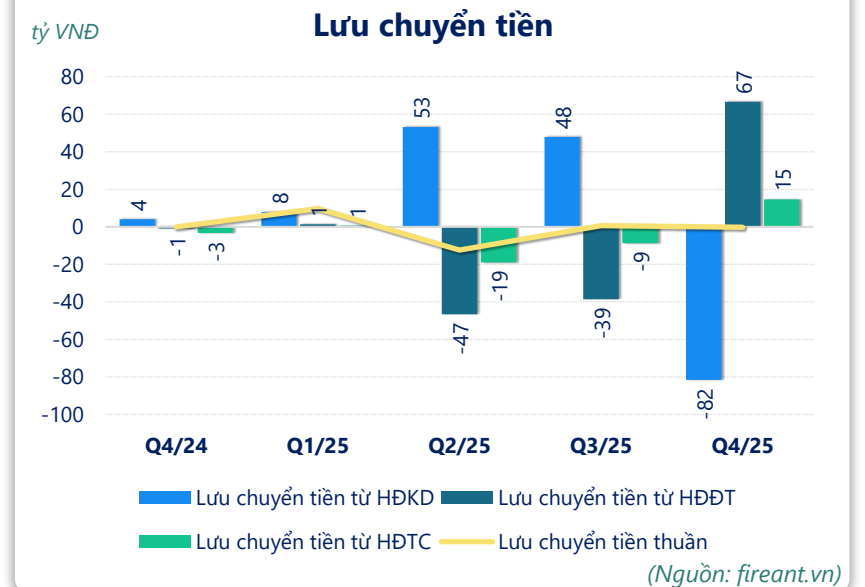
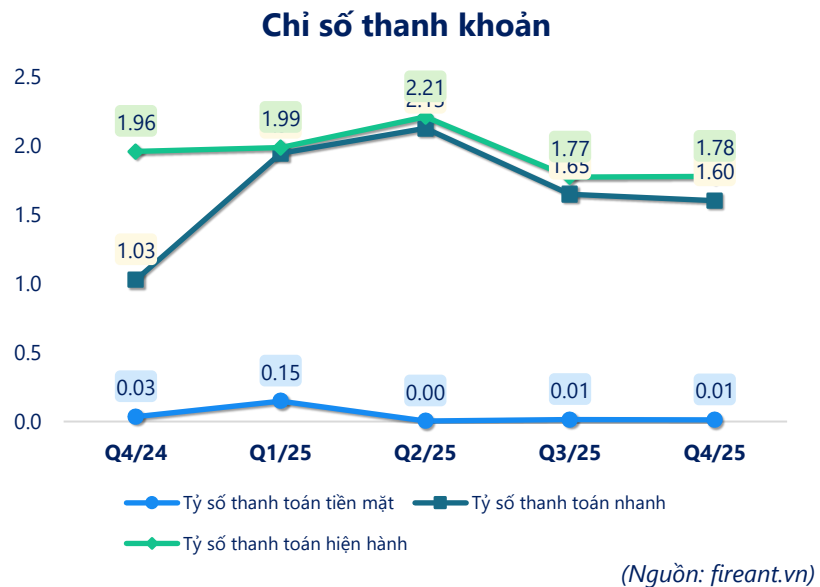
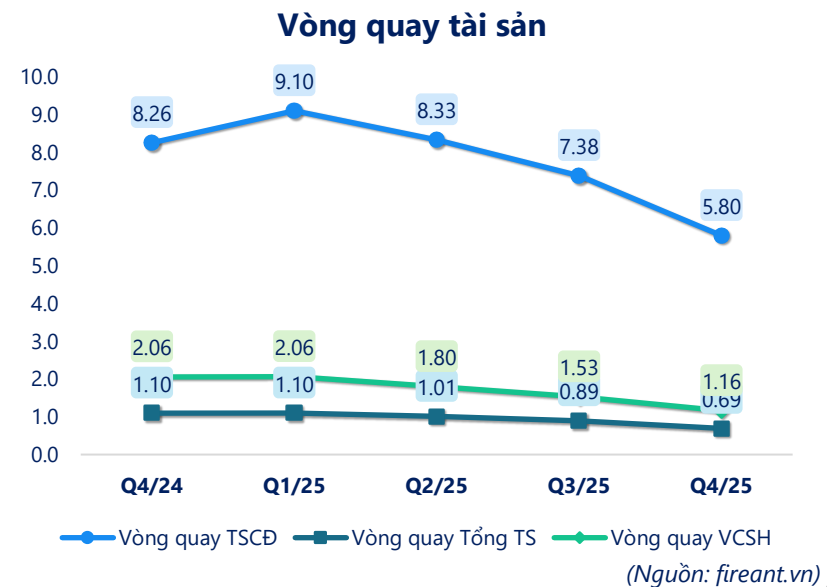
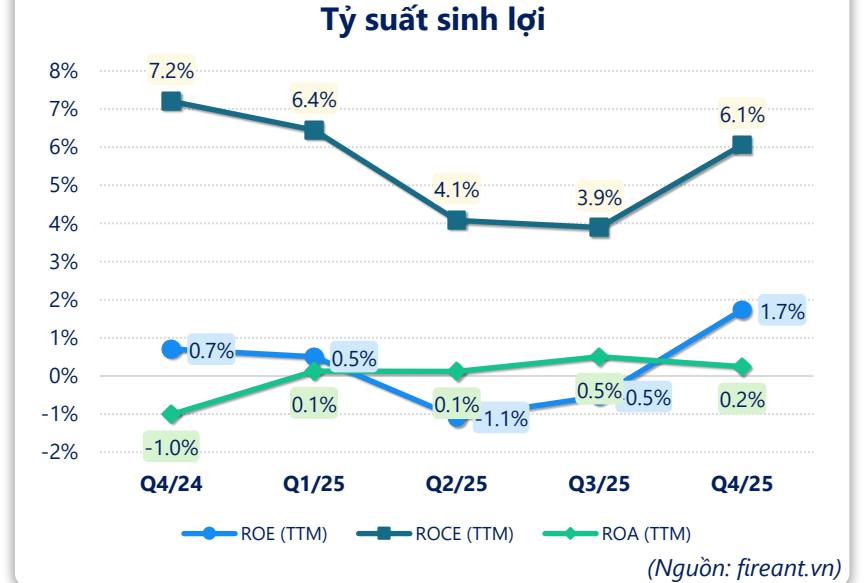
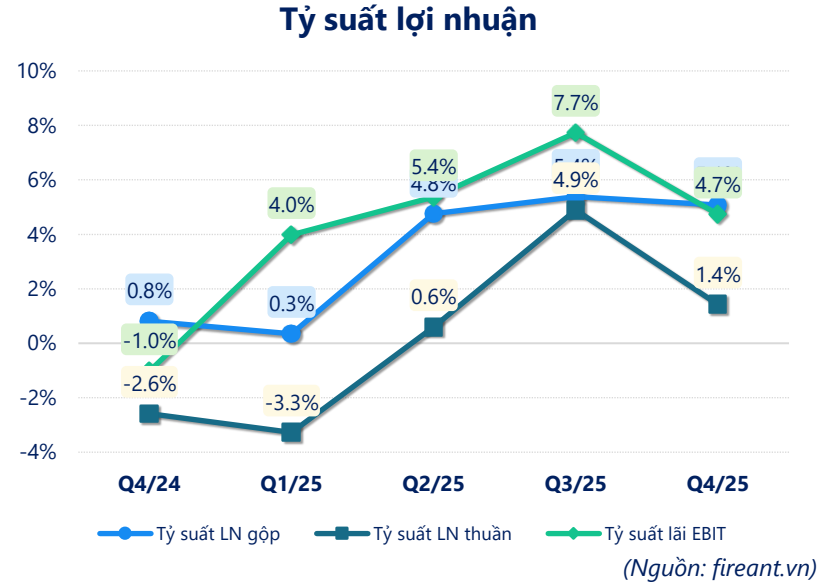
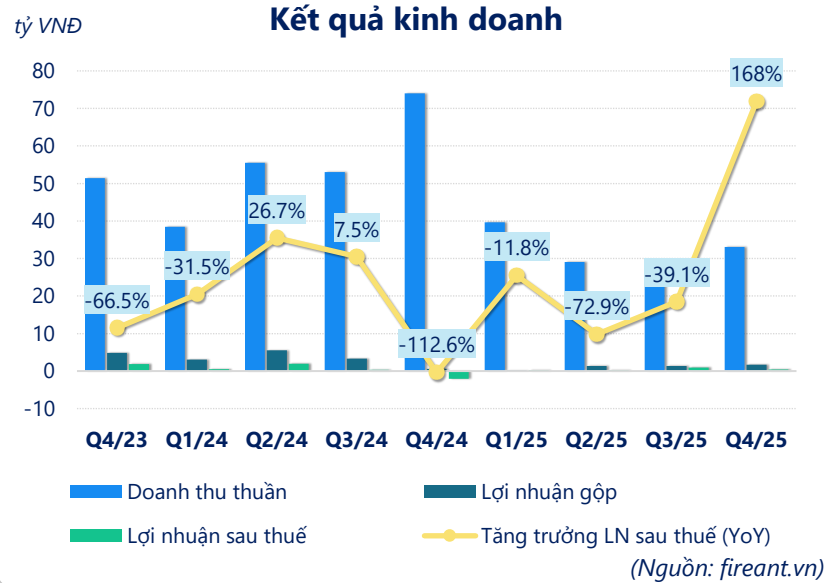


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,400
SL cổ phiếu LH		9,464,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)		37,820
% sở hữu nước ngoài		3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		60
P/E		31.6
EPS		199

	YTD	1T	3T	6T
PGN	-58.0%	-3.1%	6.8%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	173	192	-10.0%
Tài sản ngắn hạn	112	165	-31.7%
Tiền và tương đương tiền	0.73	2.92	-74.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.2	15.4	-20.9%
Phải thu ngắn hạn	88.0	67.9	29.7%
Hàng tồn kho	11.2	78.2	-85.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.18	60.0%
Tài sản dài hạn	60.6	27.7	119%
Phải thu dài hạn	0.24	0.40	-41.4%
Tài sản cố định	19.0	24.6	-22.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.75	0.75	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.4	0.60	6464%
Tài sản dài hạn khác	1.20	1.30	-7.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.3	84.5	-25.1%
Nợ ngắn hạn	63.2	84.0	-24.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.4	61.2	-19.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.0	19.5	-38.4%
Nợ dài hạn	0.05	0.44	-87.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.05	0.44	-87.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	110	108	1.8%
Vốn chủ sở hữu	110	108	1.8%
Vốn điều lệ	94.6	94.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	74.0	39.7	29.0	24.6	33.1
Giá vốn hàng bán	73.4	39.5	27.7	23.3	31.4
Lợi nhuận gộp	0.60	0.14	1.38	1.32	1.68
Doanh thu HĐTC	-0.06	0.17	0.52	1.12	0.66
Chi phí TC	1.34	1.06	1.17	0.77	1.08
Chi phí lãi vay	1.34	1.06	1.17	0.77	1.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.11	0.01	0	0.02	0.02
Chi phí QLDN	1.01	0.54	0.56	0.46	0.77
LN thuần từ HĐKD	-1.91	-1.30	0.17	1.20	0.47
Lợi nhuận khác	-0.18	1.82	0.21	-0.07	0.02
LN trước thuế	-2.10	0.52	0.39	1.14	0.49
Lợi nhuận sau thuế	-2.03	0.26	0.24	0.94	0.45
LNST của CĐ cty mẹ	-2.03	0.26	0.24	0.94	0.45

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.13	7.82	53.2	47.9	-81.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.86	1.28	-46.7	-38.6	66.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.34	0.63	-18.9	-8.66	14.7
Tiền đầu kỳ	2.98	2.92	12.6	0.27	0.88
Lưu chuyển tiền thuần	-0.07	9.73	-12.4	0.61	-0.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.92	12.6	0.27	0.88	0.73

(Nguồn: fireant.vn)